

**B GIÁO D C V À Ò T O
I H C À N NG**

LÊ TH KIM TÁNH

**HOÀN THI N HO T NG CHO VAY UT
T I NGÂN HÀNG PHÁT TRI N VI T NAM CHI
NHÁNH GIALAI**

Chuyên ngành : Tài chính – Ngân hàng

Mã s : 60.34.20

TÓM T TLU NV NTH CS QU NTR KINH DOANH

à N ng – N m 2012

Công trình hoàn thành tại

I H C À N N G

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Hòa Nhân**

Phản biện 1: **PGS.TS. Lâm Chí Dũng**

Phản biện 2: **TS. Trần Thị Ngọc Phấn**

Lưu ý: Văn bản này là bản gốc của Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh thuộc Trường Đại học Hà Nội ngày 03 tháng 02 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Trường Đại học Hà Nội
- Thư viện trực tuyến về kinh tế, Trường Đại học Hà Nội

M U

1. Tính cấp thiết của tài

Cho vay ưu đãi góp phần phát triển kinh tế xã hội là một trong các chính sách ngân hàng phát triển (NHPT). Bên cạnh hoạt động chủ yếu là cho vay ưu đãi, Ngân hàng phát triển còn tiến hành các hoạt động khác như tín dụng xuất khẩu, bảo lãnh, hỗ trợ sau ưu đãi... Trong các năm qua, hoạt động cho vay ưu đãi chi nhánh NHPT GiaLai đã có những đóng góp nhất định vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích, hoạt động này cũng còn nhiều tồn tại, cần tiếp tục hoàn thiện có những đóng góp tốt hơn nữa. Đó là lý do cần viết tài liệu “*Hoàn thiện hoạt động cho vay ưu đãi chi nhánh NHPT GiaLai*” cho luận văn thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động cho vay ưu đãi của NHPT Việt Nam; Thu thập, khảo sát các dữ liệu thực tế và tiến hành phân tích thực trạng cho vay ưu đãi chi nhánh NHPT GiaLai nhằm đúc kết những thành quả và hạn chế, những vướng mắc trong thực tiễn cho vay; Trên cơ sở những hạn chế phân tích được, nghiên cứu các giải pháp hoàn thiện hoạt động cho vay ưu đãi chi nhánh NHPT GiaLai.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Toàn bộ các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động cho vay ưu đãi chi nhánh NHPT GiaLai.

- **Phạm vi nghiên cứu**

+ **Vấn đề:** Các tồn tại và hạn chế hoàn thiện hoạt động cho vay ưu đãi, tài liệu nghiên cứu toàn bộ các nội dung liên quan hoạt động

ng cho vay ưu t (bao g m tình hình th c hi n các khâu trong quy trình cho vay n k t qu cho vay) t i chi nhánh NHPT GiaLai.

+ V không gian: Nghiên c u t i chi nhánh NHPT GiaLai

+ V th i gian: tài d a trên c s phân tích d li u giai o n n m 2009 n n m 2011 và nh m xu t các gi i pháp hoàn thi n h ng n n m 2015.

4. Ph ng pháp nghiên c u

Trên c s ph ng pháp lu n c a ch ngh a duy v t bi n ch ng và duy v t l ch s , lu n v n s d ng các ph ng pháp t ng h p, x lý và phân tích d li u c a th ng kê, so sánh, i chi u i n các k t lu n và xu t.

5. B c c c a tài

Ngoài ph n m c l c, m u, k t lu n và danh m c tài li u tham kh o, n i dung lu n v n g m 3 ch ng:

Ch ng I: C s lý lu n v hoàn thi n ho t ng cho vay ưu t t i Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam

Ch ng II: Th c tr ng v ho t ng cho vay ưu t t i chi nhánh NHPT GiaLai.

Ch ng III: Gi i pháp hoàn thi n ho t ng cho vay ưu t t i chi nhánh NHPT GiaLai.

6. T ng quan tài li u nghiên c u

Qua tham kh o các tài li u cho th y v n còn ch a có nhi u nghiên c u tr c ti p v tài này, ch có các công trình g n g i, có liên quan nh sau:

Lu n án Ti n s “Hoàn thi n c ch TD T phát tri n c a nhà n c trong s ngh i p công ngh i p hóa hi n i hóa Vi t Nam” c a tác gi Hoàng V n Qu nh (2002).

Lu n án Ti n s “ *Nâng cao hi u qu ho t ng tín d ng u t phát tri n c a nhà n c*” c a tác gi Tr n Công Hòa (2006).

Lu n v n th c s “ *Nâng cao hi u qu ho t ng cho vay u t c a nhà n c t i chi nhánh NHPT Long An*” c a tác gi Tr n Tr ng Hi u (2008).

Lu n án ti n s “ *Hoàn thi n n i dung và ph ng pháp th m nh d án u t trong ho t ng TD T phát tri n c a nhà n c*” c a tác gi Nguy n Chí Trang (2009).

Lu n v n th c s “ *Nâng cao hi u qu th m nh d án vay v n tín d ng u t phát tri n c a nhà n c t i chi nhánh NHPT S n La*” (2009), c a tác gi Nguy n Th Nh H ng.

tài nghiên c u khoa h c c p c s “ *Gi i pháp nâng cao ch t l ng ho t ng cho vay u t t i chi nhánh NHPT H i D ng*” (2011).

Qua tham kh o m t s tài trên cho th y, trong th i gian qua ch a nghiên c u sâu nh ng v n thu c lý lu n v cho vay u t , mà t p trung gi i quy t v n t m v mô. Nh v y, có th xác nh ch a có tài i vào nghiên c u c p th c s khá toàn di n v l nh v c cho vay u t . Ngoài ra, ho t ng cho vay u t ch a c nghiên c u t i GiaLai, trong khi th c ti n ho t ng cho vay u t t i chi nhánh NHPT GiaLai còn nhi u t n t i, c n ti p t c hoàn thi n có nh ng óng góp t t h n. Do v y ây là tài m i, mang tính c p thi t.

CHƯƠNG 1: C S LÝ LU N V HOÀN THI NHO T NG CHO VAY U T T I NGÂN HÀNG PHÁT TRI N VI T NAM

1.1 . HO T NG CHO VAY U T C A NGÂN HÀNG PHÁT TRI N

1.1.1. u t và phân lo i u t

a. u t và ý ngh a c a u t

b. Phân lo i u t

1.1.2. Cho vay u t c a Ngân hàng phát tri n

a. NHPT và c c u t ch c ho t ng

a.1. Ngân hàng phát tri n và ho t ng c a NHPT

Bên c nh các NHTM, m t s t ch c tài chính ho t ng v i các m c tiêu và i t ng ph c v c bi t, h ng t i l i ích kinh t xã h i. Các t ch c này c g i chung là “ các công ty tài chính phát tri n”. Ngân hàng phát tri n (NHPT) là m t t ch c tài chính nh v y.

Các nhi m v chính c a NHPT nh : Huy ng, ti p nh n và qu n lý các ngu n v n c a các t ch c kinh t trong và ngoài n c th c hi n tín d ng u t phát tri n và tín d ng xu t kh u c a nhà n c; ... th c hi n các nhi m v khác c Chính ph giao.

a.2. c i m c a NHPT

a.3. C c u t ch c ho t ng c a NHPT

b. Ho t ng cho vay u t c a NHPT

b.1. Tín d ng Nhà n c

b.2. c i m c a ho t ng cho vay u t c a NHPT: Cho vay u t v a có n i dung kinh t , v a có n i dung xã h i và chính

tr. *S k t h p* hài hoà giữa các lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội là *b n c h t c a t i n d n g u t*.

1.2 . HOÀN THIỆN HỒ T ỜNG CHO VAY Ứ T Ế C Ế A NHPT

1.2.1. Nội dung các việc hoàn thiện hồ t ỜNG CHO VAY Ứ T Ế C Ế A NHPT

Hoàn thiện là làm cho tốt hơn những gì chúng ta hiện có để đạt mục tiêu đề ra. Như vậy, hoàn thiện hồ t ỜNG CHO VAY Ứ T Ế C Ế A NHPT trước hết phải làm rõ mục tiêu cho vay Ứ T Ế C Ế A NHPT, đó là ý nghĩa của hồ t ỜNG CHO VAY NH M ẮP ỨNG NH ỨNG M ẮP TIÊU CH ỨNG TRÌNH C Ế NHÀ N ẾC VÀ PHÙ H ỢP THEO K Ế HO ẾCH PHÁT TRI ỨN KINH T Ế X Ế HỘI ỨNG TH ỨI B Ồ TOÀN VÀ PHÁT TRI ỨN V ỨN.

a. Hoàn thiện chính sách cho vay Ứ T Ế

- a.1. Ứ T Ế CHO VAY
- a.2. Ứ Ứ K Ứ N VAY V ỨN
- a.3. Quy t Ứnh các Ứ Ứ KHO Ứ N C Ế A H Ứ TD CHO VAY Ứ T Ế
- a.4. B Ồ M Ứ TI Ứ N VAY
- a.5. Quy n lý thu h ỨI N Ứ VÀ XLRR

b. Hoàn thiện việc thực hiện các bước nội dung quy trình cho vay Ứ T Ế

Quy trình cho vay là t Ứng h ỢP các nguyên t Ế, quy n c Ế A Ngân hàng trong việc cho vay. Vì vậy hoàn thiện quy trình t Ế hoàn thiện các nội dung c Ế A M ẮT quá trình bao g ỨM nhi Ứ GIAI Ồ N, nhi Ứ B Ế C MANG T ỨNH CH ỨT LIÊN HOÀN, theo m ẮT TR Ứ T Ứ NH Ứ T Ứ NH, ỨNG TH ỨI C Ế QUAN H ỨCH T ỨCH VÀ G Ứ N B Ồ V Ứ NH ỨU G Ứ M C Ế B Ồ C:

- b.1. H ỨNG D Ứ N VÀ T Ứ P NH Ứ NH Ứ S VAY V ỨN
- b.2. Th Ứ M Ứ NH VÀ QUY T Ứ NH CHO VAY
- b.3. Ký h ỢP ỨNG T Ứ D Ứ NG, H ỢP ỨNG M B Ồ TI Ứ N VAY

b.4. Xác định giá trị công trình của nghi m thu và gi i ngân

b.5. Kiểm tra, giám sát cho vay

b.6. Thu n (g c, lãi), thanh lý H TD và gi i ch p tài s n
m b o

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả của việc hoàn thiện hoạt động cho vay của NHPT

Chỉ tiêu đánh giá kết quả này, ngoài việc kiểm tra xem xét danh mục cho vay thực tế qua các năm có phù hợp với danh mục quy hoạch, kế hoạch của Thủ tướng chính phủ giao hay không, chúng ta đánh giá kết quả của việc hoàn thiện qua các chỉ tiêu trong quy mô, sơ đồ phân bổ và kiểm soát rủi ro.

a. Các chỉ tiêu trong quy mô cho vay

a.1. Tổng số nợ

a.2. Tổng số nợ gốc

a.3. Tổng số nợ bình quân đầu năm

a.4. Tổng số nợ gốc đầu năm

b. Sơ đồ phân bổ trong kế hoạch

Sơ đồ phân bổ trong kế hoạch nghĩa là NHPT thể hiện phân bổ hoạt động cho vay theo sơ đồ phân bổ các ngành, loại hình, vùng, miền, địa bàn và quy mô đầu tư trên tổng số cho vay đầu năm theo quy hoạch phát triển KT-XH của tỉnh nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

c. Các chỉ tiêu kiểm soát rủi ro cho vay của

Vấn đề các chỉ tiêu đánh giá xếp loại chất lượng các TCTD của Bộ Tài chính theo Thông tư số 49/2004/TT-BTC ngày 03/6/2004

theo 02 tiêu chí cơ bản kiểm soát rủi ro tín dụng của một tổ chức TDNN: *Tỉ lệ quá hạn và tỉ lệ xấu*.

d. Ch tiêu th c hi n k ho ch c giao c a Th t ng Chính ph

NHPT ho t ng theo k ho ch c Th t ng Chính ph giao hàng n m; trong nh ng n m qua, k ho ch c a NHPT c giao khá l n, n m sau l n h n n m tr c, nh m m c tiêu h tr ngày càng nhi u h n cho t ng tr ng. Chuy n d ch c c u kinh t trong nông nghi p, nông thôn, xây đ ng c s h t ng, xóa ói gi m nghèo và t ng b c nâng cao i s ng c a nhân dân trên a bàn.

1.2.3. Các nhân t nh h ng n vi c hoàn thi n ho t ng cho vay u t t i NHPT

a. Các nhân t bên ngoài

Th nh t, môi tr ng t nhiên - kinh t - chính tr - xã h i; *Th hai*, h th ng pháp lý và c ch qu n lý quy t nh cho vay; *Th ba*, chính sách TDNN; *Th t*, kh n ng c a khách hàng trong vi c qu n lý s đ ng v n vay.

b. Các nhân t thu c NHPT

Th nh t, chính sách cho vay u t , các quy ch , quy trình; *Th hai*, hi u qu công tác qu n lý i u hành tín đ ng nhà n c; *Th ba*, ngu n v n; *Th t*, con ng i; *Th n m*, ki m tra giám sát.

1.3. BÀI H C KINH NGHI M V CHO VAY U T C A M T S NHPT TRÊN TH GI I

1.3.1. M t s n c th c hi n mô hình NHPT

1.3.2. Bài h c úc k t i v i Vi t Nam t kinh nghi m các

n c

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY UNIT 1 CHI NHÁNH NHPT GIALAI

2.1 . KHÁI QUÁT VỀ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN GIALAI

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Chi nhánh NHPT Gialai

Chi nhánh NHPT GiaLai được thành lập theo Quyết định số : 03/QĐ -NHPT, ngày 01/07/2006 của Tổng Giám đốc NHPT Việt Nam và đi vào hoạt động ngày 01/07/2006 trên cơ sở tách chi nhánh và kế thừa toàn bộ nghiệp vụ thành quả hoạt động của chi nhánh Quản trị phát triển Gialai.

2.1.2. Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy tại Chi nhánh

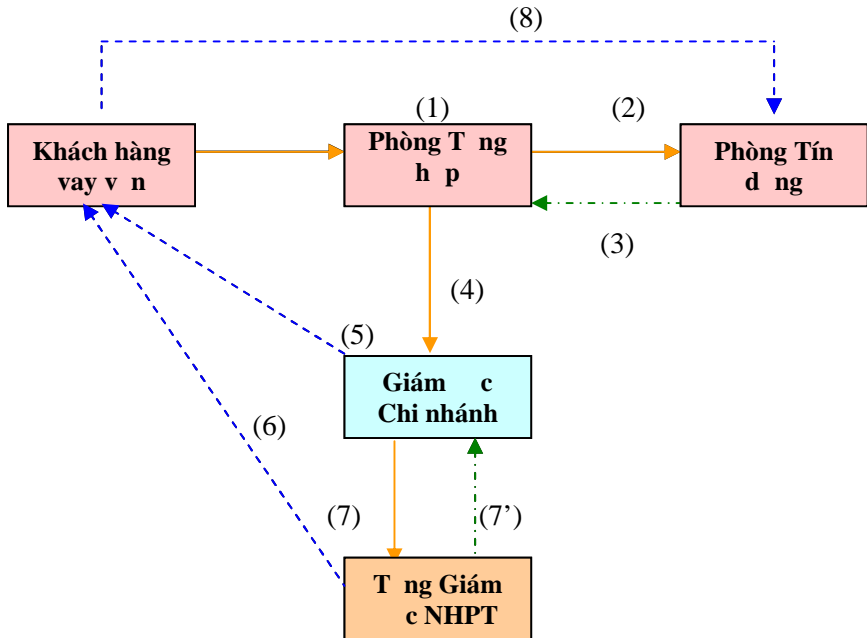
Huy động, tích lũy và quản lý các nguồn vốn của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để chi nhận tín dụng để phát triển và tín dụng xuất khẩu của nhà nước; Cho vay để phát triển; Hỗ trợ sau xuất và thực hiện bảo lãnh tín dụng để xuất; Cho vay xuất khẩu... Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

2.1.3. Khái quát tình hình hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh

Hoạt động NHPT nói chung và chi nhánh NHPT GiaLai nói riêng vẫn phải trải qua giai đoạn với nhiều thách thức, khó khăn. Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô chậm lành, lạm phát và lãi suất Ngân hàng luôn mức cao. Qua 3 năm tình hình hoạt động của năm 2010 chênh lệch thu chi so với năm 2009 là 7.099,5 triệu đồng chỉ m 109,9% và năm 2011 so với năm 2010 là 8.811,2 triệu đồng chỉ m 111,2%. Điều này nói lên mức dù nền kinh tế đang gặp khó khăn chung nhưng chi nhánh vẫn tiết kiệm chi phí để tăng thu nhập.

2.1.4. Mô hình tổ chức hoạt động cho vay ưu đãi Chi nhánh

Công tác tổ chức thẩm định án TPT tại NHPT hiện có tiến hành chủ yếu qua hai bộ phận: bộ phận thẩm định ngân sách và bộ phận thẩm định ưu đãi.



2.2. PHÂN TÍCH TH C TR NG CHO VAY Ư T T I CHI NH ÁNH NHPT GIALAI GIAI O N 2009 - 2011

2.2.1. Th c tr ng ho t ng cho vay u t t i chi nhánh

a. Th c tr ng chính sách cho vay u t áp d ng t i chi nhánh

- Về mặt ngân sách: Cho vay ưu đãi theo định nghĩa của Chính phủ quy định theo thống kê do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể: Nghị định số 151/2006/N -CP và Nghị định số 106/2008/N -CP ngày 19/9/2009 sửa đổi Nghị định số 151/2006/N -CP, nay là Nghị

nh s 75/2011/N -CP. Ngoài ra, Ngh nh s 59/2007/N -CP c a
 Chính ph , Quy t nh s 100/2007/Q -TTg, s 750/Q -TTg c a
 Th t ng Chính ph b sung i t ng là t ch c, cá nhân, h gia
 ình i v i m t s l nh v c ut nh tr ngr ng, tr ng cao su...
 - V i u ki n cho vay; M c v n cho vay; Th i h n cho vay; ng
 tí n cho vay; Lãi su t vay v n; B o m tí n vay.

Nh n xét: Nhìn chung chính sách cho vay u t c a nhà
 n c th c hi n t i chi nhánh theo m c tiêu, nh h ng khuy n
 khách u t c a Chính ph *nh u ãi v th i h n, lãi su t và B TV*
so v i NHTM và luôn c ki m tra, rà soát và hoàn thi n th ng
 xuyên theo t ng th i k k p th i b sung áp d ng a ph ng.
 Tuy nhiên, c ng b c l nh ng h n ch nh *Danh m c các d án vay*
v n TD T b h p, v n cho vay u t s b doanh nghi p chi m
d ng; i u ki n vay v n *yêu c u ch t ch và khá ph c t p* làm cho
 chi nhánh khó m r ng ho t ng cho vay u t .

b. Phân tích tình hình th c hi n các b c n i dung quy trình cho vay u t

Quy trình cho vay là t ng h p các nguyên t c, quy nh c a
 Ngân hàng trong vi c cho vay. Vì v y hoàn thi n quy trình t c hoàn
 thi n các n i dung c a m t quá trình bao g m nhi u giai o n, nhi u
 b c mang tính ch t liên hoàn, theo m t tr t t nh t nh, ng th i
 có quan h ch t ch và g n bó v i nhau. Th c tr ng chi nhánh ã áp
 d ng các b c quy trình nh sau: *B c 1*, h ng d n và ti p nh n h
 s vay v n; *B c 2*, th m nh và quy t nh cho vay; *B c 3*, ký h p
 ng tín d ng, h p ng m b o tí n vay; *B c 4*, xác nh giá tr công
 trình c nghi m thu gi i ngân; *B c 5*, ki m tra, giám sát cho vay u
 t ; *B c 6*, thu n (g c, lãi) thanh lý H TD và gi i ch p TS B. M c dù
 vi c hoàn thi n quy trình ho t ng cho vay u t g n li n vi c th c

hiện y các b c, các khâu trong toàn b quy trình và trong th i gian qua chi nhánh c NHPT ánh giá là th c hi n quy ch cho vay m t cách ch t ch nh t.

2.2.2. Phân tích k t qu ho t ng cho vay u t t i chi nhánh NHPT GiaLai giai o n 2009-2011

a. Phân tích tình hình m r ng quy mô cho vay

a.1. Phân tích tình hình t ng tr ng d n

Trong b i c nh l m phát t ng cao, ngu n v n TD T b c t gi m d n n ho t ng cho vay c ng thu h p, nhìn chung chi nhánh ã cùng v i các ch u t n l c m b o t ng tr ng d n qua ba n m, n m 2010 so v i n m 2009 t ng 190.961,9 tri u ng chi m 13,5% và n m 2011 so v i n m 2010 t ng 88.197,6 tri u ng chi m 5,5%.

a.2. Phân tích t ng tr ng s l ng d án và d n bình quân d án

Chi nhánh ph i th t ch t trong cho vay b ng cách u tiên l a ch n nh ng ngành, l nh v c quan tr ng, u tiên b trí v n cho các d án ch ng trình tr ng i m theo ch o c a Th t ng Chính ph nh các d án tr ng r ng, tr ng cao su; d án th y i n, d án giáo d c... nh m áp ng phát tri n kinh t , m b o an ninh xã h i trên a bàn b o toàn và phát tri n v n.

a.3. Phân tích t ng tr ng ngu n v n cho vay u t

b ng 2.5, cho vay u t theo ngu n v n Chi nhánh có s bi n ng trong ba n m ch y u d a vào ngu n NHPT c p, còn l i là ngu n huy ng (t ng 81,5% n m 2011 so v i n m 2010), ngu n thu n (t ng 36% n m 2010 so v i n m 2009, qua n m 2011 t ng 13,3% so v i n m 2010) áp ng nhu c u cho vay u t c a nhà n c trên a bàn t nh.

Bảng 2.5: Tình hình tăng trưởng nguồn vốn cho vay xuất*VT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm | | | | | |
|--|--------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
| | 2009 | | 2010 | | 2011 | |
| | Số tiền | % | Số tiền | % | Số tiền | % |
| 1. Tổng vốn huy động bình quân | 61.821,6 | 4,4 | 48.370,0 | 3,0 | 87.810,0 | 5,2 |
| * % tăng trưởng vốn huy động bình quân | - | | (21,8) | | 81,5 | |
| 2. Tổng nguồn vốn thu nhập | 160.201,4 | 11,3 | 217.844,9 | 13,6 | 246.715,5 | 14,6 |
| * % tăng trưởng nguồn vốn thu nhập | - | | 36,0 | | 13,3 | |
| 3. Tổng nguồn vốn TW cấp | 1.192.231,4 | 84,3 | 1.339.001,3 | 83,4 | 1.358.888,3 | 80,2 |
| * % tăng trưởng nguồn vốn TW cấp | - | | 12,3 | | 1,5 | |
| Tổng số | 1.414.254,4 | 100,0 | 1.605.242,7 | 100,0 | 1.693.413,8 | 100,0 |

Nguồn: Báo cáo tình hình CN năm 2009, 2010, 2011

a.4. Phân tích tình trạng thu lãi cho vay ư t

Chi nhánh t p trung tri n khai công tác thu n , lãi theo úng H TD ã ký theo các d án thu c m c tiêu khuyn khích ư tiên ư t mà c t nh chú tr ng. Vì th , chi nhánh c ng ã th ng xuyên ki m tra tình hình SXKD, tình hình tài chính c a n v , n m b t ngu n thu, ôn c các n v tr n g c, lãi y và k p th i.

b. Phân tích tình hình bi n ng c c u d n

b.1. Phân tích c c u d n theo ngành kinh t :

Xem b ng 2.7, c c u d n cho vay ư t theo ngành kinh t có s bi n ng m nh t 2009 n 2011 v c b n ã phù h p v i quy ho ch t ng th phát tri n KT-XH c a t nh:

B ng 2.7: Tình hình cho vay ư t theo ngành kinh t

VT: Tri u ng

| Ch tiêu | N m | | | | | |
|-----------------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | 2009 | | 2010 | | 2011 | |
| | S t i n | % | S t i n | % | S t i n | % |
| 1. Nông lâm nghi p | 501.046,3 | 35,4 | 524.296,5 | 32,7 | 626.010,1 | 37,0 |
| 2. Công nghi p | 30.246,4 | 2,1 | 26.413,4 | 1,6 | 22.081,4 | 1,3 |
| 3. Th y i n | 754.944,8 | 53,4 | 897.804,7 | 55,9 | 903.273,2 | 53,3 |
| 4. Giáo d c | 32.639,9 | 2,3 | 53.521,6 | 3,3 | 48.869,1 | 2,9 |
| 5. Xây d ng | 95.377,0 | 6,7 | 103.180,0 | 6,4 | 93.180,0 | 5,5 |
| T ng d n | 1.414.254,3 | 100,0 | 1.605.215,6 | 100,0 | 1693.413,8 | 100,0 |

Ng u n: Báo cáo t ng h p CN n m 2009,2010,2011

b.2. Phân tích c c u d n theo lo i hình kinh t :

Qua b ng 2.8, c c u d n cho vay u t theo l nh v c kinh t có s bi n ng m nh t 2009 n 2011 doanh nghi p t nhân ngày càng có u th c h ng v n u t c a nhà n c góp ph n a d ng hóa lo i hình u t , k t qu tích c c là n n t ng b n v ng, c s phát tri n công nghi p hóa hi n i hóa.

B ng 2.8: Tình hình cho vay u t theo lo i hình kinh t

VT: Tri u ng

| Ch tiêu | N m | | | | | |
|------------------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | 2009 | | 2010 | | 2011 | |
| | S t i n | % | S t i n | % | S t i n | % |
| 1. Công ty Nhà n c | 906.459,6 | 64,1 | 877.743,8 | 54,7 | 844.134,8 | 49,8 |
| 2. Công ty TNHH MTV | 50.120,1 | 3,5 | 35.887,1 | 2,2 | 21.555,1 | 1,3 |
| 3. Công ty TNHH khác | - | - | - | - | 4.981,0 | 0,3 |
| 4. Công ty c ph n | 336.885,9 | 23,8 | 550.796,5 | 34,3 | 634.865,4 | 37,5 |
| 5. Doanh nghi p t nhân | 120.788,8 | 8,5 | 140.788,8 | 8,8 | 187.877,5 | 11,1 |
| T ng d n | 1.414.254,3 | 100,0 | 1.605.215,6 | 100,0 | 1693.413,8 | 100,0 |

Ngu n: Báo cáo t ng h p CN n m 2009,2010,2011

b.3. Phân tích c c u d n theo a bàn

C c u cho vay u t theo a bàn cho th y s phát tri n t ng i nhanh c a vùng kinh t tr ng i m nh a bàn KT-XH khó kh n, a bàn khác so v i các vùng a bàn biên gi i thu c

ch ng trình 120, a bàn KT-XH c bi t khó kh n. Tuy nhiên, vì c t p trung cho vay u t a bàn này l n em l i r i ro cao, kh n ng mang l i hi u qu th p nh ng l i góp ph n m b o n nh kinh t xã h i trên a bàn.

b.4. Phân tích c c u d n theo quy mô d án

C c u d n cho vay u t theo quy mô d án có s bi n ng t 2009 n 2011 ch y u t p trung vào d án nhóm A (chi m 57,3% n m 2009; 46,5% n m 2010 và n m 2011 ch chi m 44,2%, cho bi t NHPT ã có s b o toàn và phát tri n v n) và nhóm B (n m 2009 chi m 42,6%; n m 2010 chi m 53,4% và chi m 55,7% n m 2011, t p trung và có s t ng lên qua 3 n m, áp ng nhu c u d ch chuy n kinh t t i a ph ng).

c. Phân tích tình hình kì m soát r i ro cho vay u t

Qua b ng 2.11, cho th y tình hình tri n khai công tác thu h i n , x lý n c a chi nhánh ã th ng xuyên bám sát c s , n c các doanh nghi p, ch u t tr n vay cho NHPT, c bi t là các n v có n g c và lãi quá h n.

B ng 2.11: T l n quá h n và t l n x u cho vay u t

VT: Ph n tr m

| Ch tiêu | N m | | |
|---------------------------|------|-------|--------|
| | 2009 | 2010 | 2011 |
| 1. T l n x u | 0,02 | 0,02 | 0,03 |
| % t ng gi m t l n x u | - | 6,33 | 132,94 |
| 2. T l n quá h n | 1,62 | 1,63 | 1,62 |
| % t ng gi m t l n quá h n | - | 13,87 | (2,95) |

Ng u n: Báo cáo t ng h p CN n m 2009,2010,2011

d. Phân tích kết quả hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch

Như chúng ta đã biết, chỉ nhánh tín dụng và phát triển trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của giao dịch NHPT đó là thực hiện “chỉ tiêu kế hoạch” của hoạt động cho vay ưu đãi. Năm 2011 có nhiều khó khăn thách thức đối với chỉ nhánh, từ bài học năm 2009 và 2010. Cán bộ chỉ nhánh đã cố gắng nỗ lực thực hiện nhiệm vụ của giao dịch trong điều kiện, khó khăn, thách thức luôn cố hoàn thành kế hoạch giao nhiệm vụ của NHPT giao.

2.3. ÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHO VAY ƯU ĐÃI CHI NHÁNH NHPT GIẢI AI

2.3.1. Nhiệm vụ kết quả thực hiện hoạt động cho vay ưu đãi

Thứ nhất, thực hiện đúng chức năng chính sách cho vay ưu đãi của nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương. Chỉ nhánh đã ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chương trình trợ giúp miễn theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ như các dự án trợ giúp trợ giúp, trợ giúp cao su; dự án thay đổi, dự án giáo dục...

Thứ hai, rà soát tất cả các khâu thực hiện chính sách ưu đãi ngân sách, quy trình hoạt động cho vay ưu đãi như xác định tín dụng, điều kiện, tiếp nhận, thẩm định quy trình cho vay, kiểm tra, giám sát thu nhập, xử lý các rủi ro trong cho vay giảm phát sinh nợ gốc và lãi quá hạn.

Thứ ba, chương trình giảm nợ tình hình thực hiện các dự án ưu đãi, nhu cầu vốn vay ưu đãi của các chủ thể; thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của khách hàng; rà soát tài sản bảo đảm và nợ vay ưu đãi.

Thứ tư, nâng cao cán bộ giàu kinh nghiệm, trình độ cao, năng lực, hoàn thành tất cả các nhiệm vụ của giao dịch theo đúng thẩm quyền

theo quy định và quy trình làm việc luôn bám theo quy định, hướng dẫn của Chính phủ và của NHPT.

Thứ năm, luôn hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của NHPT giao: chi nhánh NHPT đã có những đóng góp tích cực thể hiện trong trình độ, án ưu tiên, khai thác tiềm năng của địa phương.

2.3.2. Những hạn chế trong hoạt động cho vay ưu đãi và nguyên nhân

Qua phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động cho vay ưu đãi tại chi nhánh NHPT GiaLai trong ba năm qua, có thể tổng hợp các hạn chế và nguyên nhân như sau:

- *Thứ nhất, hoạt động cho vay ưu đãi qua ba năm tuy đã tăng nhưng nếu so với các năm trước thì mức tăng trưởng chưa đáng kể và thậm chí một số năm do nguồn vốn huy động chưa đầy đủ, chưa nhiều, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu TPT của toàn tỉnh.*

- *Thứ hai, việc tiếp cận vay vốn hạn chế, thường chỉ tập trung vào những lĩnh vực nông nghiệp (yêu cầu ngân sách, khó khăn về tài sản, kém về hiệu quả). Hơn nữa, chủ yếu là cho vay dài hạn, phụ thuộc rất lớn vào tác động của định hướng trong thời gian dài;*

- *Thứ ba, số lượng dự án tiếp nhận, thậm chí cho vay ưu đãi còn hạn chế, nguyên nhân do: Ngân sách ưu đãi yếu và mức hiệu quả chưa đạt ấn tượng rõ rệt.*

- *Thứ tư, việc ưu tiên vay vốn ngày càng yêu cầu chặt chẽ hơn làm cho chi nhánh khó mở rộng hoạt động cho vay ưu đãi; Mặt khác, thực tế vay vốn rất phức tạp và rườm rà, mang nặng tính hình thức, trải qua nhiều khâu, chi phí chèo và mất thời gian nên chi nhánh NHPT có*

ri t nhi u công v n h ng d n th c hi n t i các th i i m khác nhau gây khó kh n cho ch ư t ti p c n v n vay ư t c a nhà n c ;

- Th n m, v n cho vay ư t c a nhà n c b các doanh nghi p chi m d ng ngu n tr n vay TD T h ng chên h l ch lãi su t ho c s d ng làm v n l u ng cho ho t ng SXKD thay vì i vay NHTM;

- Th sáu, công tác ki m tra, giám sát sau gi i ngân v n ch a c chi nhánh th c hi n th ng xuyên, liên t c. Nguyên nhân:

a bàn qu n lý quá r ng, nhi u vùng không có ph ng ti n giao thông công c ng, i l i khó kh n làm h n ch trong vi c ki m tra, giám sát tình hình ho t ng c a đ án. Do ó, n x u và lãi treo v n cho vay ư t v n còn cao.

H n ch trên ây xu t phát t nh ng nguyên nhân sau:

M t s nguyên nhân có tính khách quan: l m phát t ng cao, các ngân hàng cho vay v i lãi su t r t cao, Chính ph th c hi n th t ch t v n vay nên nhi u ch ư t ã chi m d ng ngu n tr n vay h ng chên h l ch lãi su t ho c s d ng làm v n l u ng cho ho t ng SXKD thay vì i vay NHTM; Nhi u đ án ch m ti n do n ng l c nhà th u y u kém, khách hàng ư th u b ch m, i u ch nh t ng m c ư t , thu x p v n b sung do t ng t ng m c ư t; Công tác x lý r i ro theo i t ng quy nh c a nhà n c v i trình t , th t c còn nhi u ph c t p, ph m vi d n n nhi u đ án có n x u kéo dài. Bên c nh ó nguyên nhân ch quan: Chi phí SXKD t ng cao khi n nhi u đ án ho t ng không hi u qu , không trích kh u hao ho c không có l i nhu n; th m chí m t s đ án ph i d ng ho t ng ho c ho t ng c m ch ng d n n không ho c không có ngu n thu tr n vay TD T; Ch ư t c tình ch m tr n do tâm lý ch i i u ch nh gi m lãi su t.

CHƯƠNG 3: GIỚI PHÁP HOÀN THIỆN CHO VAY UT T I CHI NHÁNH NHPT GIA LAI

3.1. NHNG NH H NG VÀ M C TIÊU V HO T NG CHO VAY UT T I CHI NHÁNH NHPT GIA LAI

3.1.1. nh h ng ho t ng cho vay u t t i chi nhánh
NHPT GiaLai

3.1.2. M c tiêu ho t ng cho vay u t t i Chi nhánh
NHPT GiaLai

3.2. GIỚI PHÁP HOÀN THIỆN V HO T NG CHO VAY UT T I CHI NHÁNH NHPT GIA LAI

3.2.1. T ng c ng tuyên truy n, qu ng bá chính sách vay v n
TDNN

C n c vào i t ng vay v n TD T trong t ng th i k , trên c s tình hình u t th c t trên t ng a bàn, chi nhánh xác nh nhi m v phát tri n tín d ng hàng n m c a n v (đ ki n l nh v c, khách hàng vay v n ti m n ng; đ ki n t ng m c v n cho vay;...), giao các phòng ch c n ng t ch c tri n khai và phân chia trách nhi m th c hi n ch tiêu phát tri n tín d ng n t ng cán b nghi p v . Chi nhánh c n ph i ti p t c tuyên truy n, qu ng bá các chính sách v i t ng vay v n u t n m trong danh m c thu c các đ án vay v n TD T c a nhà n c nh phát hành t r i, tuyên truy n qu ng bá hình nh c a NHPT m t cách toàn di n th c hi n qua chính sách u ãi vay v n TDNN và t ng x ng v i ti m n ng và th m nh c a t nh. Chi nhánh c n ch ng bám sát tình hình th c t , t p trung ch o th c hi n quy t li t, có hi u qu các m c tiêu, gi i pháp trên góp ph n th c hi n úng k ho ch phát tri n kinh t xã h i c a t nh và chi n l c phát tri n c a NHPT trong th i gian t i.

3.2.2. Hoàn thiện xây dựng cơ chế phối hợp nghiệp vụ cho vay ưu t

Cần xây dựng cơ chế phối hợp cho vay nghiệp vụ ngành giữa phòng ban qua các khâu theo mô hình tương xứng chính sách (vốn tín dụng, điều kiện vay vốn, quản lý thu hồi nợ và XLRR...), đúng quy chế, quy trình (nhận báo tín dụng, thẩm định, quy trình cho vay và kiểm tra, giám sát sau gửi ngân) phối hợp chi nhánh thành phố thông qua xuyên, nhanh gọn, mở rộng, khuyến khích chủ thể tín dụng vay vốn tại địa phương.

3.2.3. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định án ưu t

Sau khi hoàn thành công việc tiếp xúc khách hàng, cán bộ chi nhánh thẩm định lập văn bản báo cáo Lãnh đạo chi nhánh chi nhánh thẩm định và phê duyệt tín dụng cho chủ thể và phê duyệt xử lý tín dụng theo quy định nghiệp vụ tín dụng địa phương. Tiếp theo là thẩm định nhân sự khi quy trình cho vay hoàn chỉnh và lo ngại về năng lực khách hàng, nên đề án mang lại hiệu quả kém; cần chuyên biệt hóa nghiệp vụ cán bộ làm công tác thẩm định, góp phần thành công nhân viên phát triển kinh tế địa phương nói chung và hoàn thành nhiệm vụ phát triển tín dụng của NHPT nói riêng.

3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát cho vay ưu t

Thành phố công văn số 3927/NHPT-KTNB ngày 29/09/2010 về việc chỉ đạo kiểm tra quá trình thẩm định Ngân hàng 151/2006/N - CP và Nghị định số 106/2008/N -CP và TD T và TDXK của ngân hàng chi nhánh về quy định chi tiết khâu thẩm định án tín dụng gửi ngân cho vay vốn. Tăng cường kiểm tra, giám sát vốn sau gửi ngân, áp dụng các biện pháp tín dụng nhằm hạn chế rủi ro vốn cho vay vốn tại địa phương bị chi mất; Tiếp tục thẩm định về kiểm tra, kiểm soát tuân thủ của doanh nghiệp trong

việc thể hiện Luật u thu, Luật xây dựng thông qua hồ sơ, thủ tục liên quan.

Tăng cường kiểm soát rủi ro: coi việc thu hồi ý kiến các khoản chi nhánh là phương thức chuyển đổi và thi hành, khi cần xử lý các khoản xử; tăng cường hoàn thiện các quy định quản trị nội bộ, công bố và lựa chọn khách hàng, chính sách khách hàng theo hình thức khách hàng làm trung tâm, nâng cao trách nhiệm của các cán bộ viên chức trong chi nhánh.

3.2.5. Kiến toàn và thực hiện và nâng cao chất lượng cán bộ và chi nhánh

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chú trọng chuyên môn, nghiệp vụ sâu tránh đào tạo mang tính dàn trải (ưu tiên cán bộ làm nghiệp vụ tham dự các lớp tập huấn huấn luyện cán bộ lãnh đạo). Phối hợp xuyên hoàn thiện việc kiểm tra toàn bộ máy, rà soát, phân công lịch công việc, nhiệm vụ, sắp xếp công việc, bồi dưỡng đào tạo cán bộ công nhân viên mang lại hiệu quả công việc thi hành thực tiễn. Trên phương châm “đi tìm t duy, sáng tạo công việc” trong thời gian tới. Dựa trên phương châm thực hiện “*một cán bộ một công việc cao nhất, khách phục vụ tận tâm, công việc đảm bảo an toàn và, phục vụ khách hàng niềm nở, giao tiếp thân thiện có thể*” mà chi nhánh đã đạt được. Góp phần xây dựng vào sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước.

3.2.6. Nâng cao công nghệ hiện đại trong tình hình mới

Tăng cường đầu tư nâng cấp công nghệ thông tin theo hình thức “đi tìm t duy” tham khảo kinh nghiệm triển khai các ngân hàng khác về các giải pháp kỹ thuật và truyền thông phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống Ngân hàng và thông tin quốc tế.

Nhóm có thể ứng dụng các mô hình quản lý nghiệp vụ theo hình thức chuyên nghiệp trong toàn hệ thống một cách hoàn chỉnh.

3.3 . M T S K I N N G H

3.3.1. K i n g h i v i c á c c q u a n N h à n c

Cần hoàn thiện về hình thức pháp lý minh bạch, phù hợp với hoạt động cho vay ưu đãi của nhà nước; Cần hoàn thiện sai, bổ sung về chính sách TD T của nhà nước; Hoàn thiện quy định về thẩm định tín dụng, có sẵn ràng buộc trách nhiệm của chủ đầu tư nhân sự. Phân cấp thẩm định quy định xử lý rủi ro cho NHPT Việt Nam (theo quy định hành cho phép) xử lý rủi ro một cách kịp thời. Và có thể ban hành thông tin ứng dụng và áp dụng vào thực tiễn hoạt động nhằm tránh tình trạng “Nghẽn chẹt thông tin” như hiện nay.

3.3.2. K i n g h i v i N g â n h à n g n h à n c

Cần kịp thời rà soát bổ sung, sai lệch thẩm định về bản pháp quy về các loại nghiệp vụ cho vay cho phù hợp với tình hình mới; Kiểm tra, phê duyệt về tài chính trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý biện pháp và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình xử lý nợ cho phù hợp với tình hình khó khăn tài chính chung.

3.3.3. K i n g h i v i U B N D t ñ h G i a L a i

ứng UBND tỉnh tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục cấp các doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục vay vốn từ NHPT; Các sở, ban, ngành, UBND cấp địa phương trong hệ thống NHPT thẩm định, cho vay, thu hồi nợ vay theo quy định pháp luật.

3.3.4. K i n g h i v i N H P T V i t N a m

Thực tế, NHPT đang quy định phân cấp và phân quyền cho chi nhánh gia nhập hệ thống thông tin CIC (thông tin tín dụng của Ngân

hàng Nhà n c) khai thác thông tin khách hàng *ch* ng trong *ti p nh n d án, th m nh, và gi i ngân v n.*

Th hai, NHPT c n b trí ngu n v n và k p th i cho chi nhánh th c hi n cho vay u t sau khi có k ho ch gi i ngân, t o i u ki n cho các doanh nghi p c h tr nhanh chóng và có hi u qu .

Th ba, NHPT c n a d ng hóa các hình th c huy ng v n, khai thác c các ngu n v n trong n c và n c ngoài.

Th t , NHPT c n xây d ng danh m c qu n lý phòng ng a r i ro i v i nh ng i t ng c n ph i h tr và c n xây d ng l trình gi m d n s u ãi v lãi su t.

Th n m, NHPT c n t ng c ng rà soát, hoàn thi n công tác ki m tra, giám sát các khâu, các b c và các giai o n trong chính sách và quy trình u t c a ho t ng cho vay u t c a nhà n c và m b o tính n nh và phát tri n b n v ng.

K T L U N

Trong b i c nh ph i i m t v i nh ng khó kh n, thách th c trong n c và th gi i, t nh GiaLai ã tranh th th i c , v t qua khó kh n, thách th c th c hi n th ng l i nhi u m c tiêu, nhi m v ã ra. T c t ng tr ng GDP bình quân t 13,6%/n m, v t 1,1% so v i m c tiêu ã ra. C c u kinh t ti p t c c chuy n d ch úng h ng. Các vùng kinh t c u t , phát tri n theo quy ho ch. L nh v c v n hóa, xã h i t c nh ng k t qu quan tr ng. S nghi p giáo d c và ào t o, khoa h c và công ngh ti p t c c u t và phát tri n. i s ng v t ch t, tinh th n c a nhân dân c nâng lên, trong ó có ngu n v n tín d ng u t c a nhà n c thông qua Ngân hàng phát tri n. Ngoài các Ch ng trình m c tiêu nêu trên, v n

tín dụng ưu đãi thông qua chi nhánh còn góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, giảm nghèo đói, xóa bỏ đói nghèo, góp phần vào mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Có thể nói, hoạt động cho vay ưu đãi chi nhánh NHPT GiaLai đã thúc đẩy kinh tế nông thôn, mô hình tăng trưởng và dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển hợp lý, chi ưu tiên và chi sâu nhằm xây dựng nền kinh tế nông thôn có sức cạnh tranh cao, sản phẩm giá trị gia tăng, hiệu quả, quy mô và chất lượng. Nhờ có sự hỗ trợ của NHPT cấp. Phát triển KT-XH gắn với tăng cường công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp trên địa bàn, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, hài hòa giữa các khu vực gắn với thị trường và công nghiệp xã hội trong tăng trưởng phát triển; tiếp tục thêm công nhân viên làm cho nông nghiệp; xóa bỏ đói nghèo, giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, bảo vệ môi trường an ninh. Đồng thời, trong giai đoạn 2009-2011 và những năm sắp tới, khó khăn và thách thức về kinh tế nói chung và NHPT nói riêng còn nhiều và có thể còn diễn biến phức tạp. Tuy vậy, để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, NHPT, sự hỗ trợ của các bộ, ngành, địa phương, sự phối hợp tốt của các NHTM và các doanh nghiệp, chi nhánh NHPT GiaLai sẽ tiếp tục nâng cao vai trò của mình trong hỗ trợ phát triển và thúc đẩy tăng trưởng, hoàn thành tốt nhiệm vụ của ngành và Chính phủ.